

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học: 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			10	11	12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	3304	1189	1124	991
1	Tốt	3,170	1129	1075	966
	(tỷ lệ so với tổng số)	95.94	94.95	95.64	97.48
2	Khá	115	55	37	23
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.48	4.63	3.29	2.32
3	Trung bình	14	3	9	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.42	0.25	0.80	0.20
4	Yếu	4	2	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.12	0.17	0.18	0.00
II	Số học sinh chia theo học lực	3304	1189	1124	991
1	Giỏi	811	271	246	294
	(tỷ lệ so với tổng số)	24.55	22.79	21.89	29.67
2	Khá	1,859	656	611	592
	(tỷ lệ so với tổng số)	56.27	55.17	54.36	59.74
3	Trung bình	576	243	232	101
	(tỷ lệ so với tổng số)	17.43	20.44	20.64	10.19
4	Yếu	55	18	33	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.66	1.51	2.94	0.40
5	Kém	2	1	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.06	0.08	0.09	0.00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	3304	1189	1124	991
1	Lên lớp	2311	1188	1123	
	(tỷ lệ so với tổng số)	99.91	99.92	99.91	
a	Học sinh giỏi	808	270	245	293
	(tỷ lệ so với tổng số)	24.46	22.71	21.80	29.57
b	Học sinh tiên tiến	1.859	656	610	593
	(tỷ lệ so với tổng số)	56.27	55.17	54.27	59.84
2	Thi lại	51	19	32	
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.5	1.6	2.8	
3	Lưu ban	2	1	1	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.06	0.08	0.09	
4	Chuyển trường đến/đi	53/20	21/17	29/3	03/0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.6/0.61	1.77/1.43	2.58/0.27	0.3
5	Bị đuổi học	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0